

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST.

Ngày 24 - 4 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu và ông Lương Mạnh Tường.

- *Thư ký phiên toà:* ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà:* ông Đặng Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TL-STHS ngày 15 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N** sinh năm 1999 tại Ninh Bình; giới tính: N; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phạm Văn V, con bà Nguyễn Thị G; vợ: Trần Thị Phương T, có 01 con sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 26/06/2023, Công an thành phố Ninh Bình ra quyết định số 0105053 xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 6.500.000đ về hành vi “Gây tổn hại sức khỏe của người khác,,.

Lịch sử bản thân: Ngày 04/5/2016, Phòng PC45 Công an tỉnh Ninh Bình, xử phạt vi phạm hành chính phạt 500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; trú tại: thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990; trú tại: thôn S, xã Q, Huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Chị Kim Thị N, sinh năm 2002; trú tại: thôn Y, xã P, Huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

**Người làm chứng, chứng kiến:* chị Hà Thị H và ông Hoàng Văn C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N làm nghề lái xe dịch vụ và buôn hoa quả. Mặc dù, N không công tác hay thành lập tổ chức tín dụng, công ty tài chính, cũng không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, thế chấp tài sản hoặc kinh doanh tiền tệ xong để có thêm thu nhập và có tiền tiêu sài cá nhân Phạm Văn N đã cho nhiều người khó khăn về tài chính có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất cao. Trong thời gian từ tháng 9/2022 đến 18/01/2024, Phạm Văn N đã cho 03 người vay tổng số tiền 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng) với mức lãi suất theo thỏa thuận từ 3.333 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng mức lãi suất từ 121,65% đến 182,5%/ năm) gấp từ 6,08 đến 9,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Ngày 22/09/2022, Phạm Văn N cho chị Kim Thị N, sinh năm 2002, trú tại: thôn Y, xã P, huyện N vay số tiền 5.000.000 đồng.

- Thỏa thuận tiền lãi là 550.000 đồng/tháng tương đương với mức lãi suất 3.666 đồng/1 triệu/1 ngày, số ngày vay được tính theo tháng, mỗi tháng được tính tròn là 30 ngày. N đưa tiền mặt cho Nghị, khi giao tiền N đã cắt luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 550.000 đồng, Nghị chỉ nhận về số tiền 4.450.000 đồng.

- Ngày 22/10/2022, Nghị trả N tiền lãi tháng thứ hai là 550.000 đồng

- Ngày 26/11/2022, Nghị trả N tiền lãi tháng thứ ba là 550.000 đồng và do kinh tế khó khăn nên Nghị xin không tính lãi với số tiền vay nữa và N đồng ý.

- Ngày 28/01/2023, Nghị trả N 5.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, đối với khoản vay 5.000.000 đồng, Nghị đã trả số tiền gốc cho Phạm Văn N, tính đến ngày 28/01/2023 số tiền lãi đã trả 03 tháng (tương ứng 90 ngày) là **1.650.000 đồng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà N được hưởng (không trái luật) là 20%/năm của khoản tiền gốc vay 5.000.000 đồng,(được tính theo công thức là $20:100 \times 5.000.000:365 \times 90$) bằng số tiền **246.575 đồng**, đối trừ thì số tiền thu lợi bất chính là **1.403.425 đồng**.

- Ngày 29/08/2023, Kim Thị N vay N số tiền 6.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 900.000 đồng/tháng, mỗi tháng được tính tròn là 30 ngày, tương ứng mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. N chuyển từ tài khoản ngân hàng của số 0965698587 của N đến tài khoản ngân hàng MB của Nghị số tài khoản 9977686999999, khi chuyển tiền N đã cắt lãi tháng đầu tiên là 900.000 đồng nên Nghị chỉ nhận về 5.100.000 đồng.

- Ngày 29/10/2023, Nghị trả N tiền lãi tháng thứ hai và tháng thứ 3 là 1.800.000 đồng.

- Ngày 29/11/2023, Nghị trả N tiền lãi tháng thứ tư là 900.000 đồng trong đó chuyển khoản 700.000 đồng và đưa tiền mặt 200.000 đồng.
- Ngày 30/12/2023, Nghị trả N tiền lãi tháng thứ năm là 900.000 đồng.
- Theo lời khai của Kim Thị N ngày 22 tháng 02 năm 2024, gần tết nguyên đán giáp Thìn Nghị đã trả cho N 6.000.000 tiền gốc đã vay.

Như vậy, đối với khoản vay 6.000.000 đồng, Nghị đã trả số tiền gốc cho Phạm Văn N, tính đến ngày 18/01/2024 số tiền lãi đã trả 05 tháng (tương ứng 150 ngày) là **4.500.000 đồng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà N được hưởng (không trái luật) là 20%/năm của khoản tiền gốc vay 6.000.000 đồng, (được tính theo công thức là $20:100 \times 6.000.000:365 \times 150$) bằng số tiền **493.150 đồng**, đối trừ thì số tiền thu lợi bất chính là **4.006.850 đồng**.

2. Ngày 03/12/2022 và ngày 04/12/2022 Phạm Văn N cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, trú tại: thôn Đ, xã P, huyện N vay tổng số tiền 70.000.000 đồng.

- Ngày 03/12/2022, anh Nguyễn Văn C có vay của Phạm Văn N số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất là 6.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng được tính tròn là 30 ngày, tương ứng lãi suất 3.333 đồng/1 triệu/1 ngày, do chưa có đủ tiền nên N đưa trước cho Chính 50.000.000 đồng.

- Ngày 04/12/2022, Chính hỏi vay thêm N 10.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 3.333 đồng/1 triệu/1 ngày, tính cả số tiền 10.000.000 đồng, N còn đưa thiếu cho Chính khi Chính vay 50.000.000 đồng và trừ đi tiền lãi tháng thứ nhất là 7.000.000 đồng của tổng số tiền 70.000.000 đồng, thì N đưa cho Chính số tiền 13.000.000 đồng.

- Khi vay tiền N có yêu cầu Chính viết giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 35C-017.60 của Chính cho N với số tiền 60.000.000 đồng, còn khi Chính vay thêm 10.000.000 đồng thì N không yêu cầu viết giấy vay tiền nữa. Tổng cộng số tiền Phạm Văn N cho Nguyễn Văn Chính vay là 70.000.000 đồng, N đưa toàn bộ số tiền này bằng tiền mặt cho Chính.

- Ngày 08/03/2023, Chính chuyển cho N 5.000.000 đồng tiền lãi (nợ 2.000.000 đồng) từ số tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0963709185 của vợ Chính là Hà Thị Hiền đến tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0965698587 của Phạm Văn N.

- Ngày 05/04/2023, Chính chuyển cho N 5.000.000 đồng tiền lãi (nợ 2.000.000 đồng) từ số tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0963709185 của vợ Chính là Hà Thị Hiền đến tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0965698587 của Phạm Văn N.

- Do khó khăn về kinh tế, nên Chính xin N không tính lãi với khoản vay này nữa, khi nào có tiền sẽ trả tiền gốc và số tiền lãi còn thiếu trước đó và được N đồng ý.

- Tháng 7/2023, Chính trả cho N 50.000.000 đồng tiền gốc. Khoảng giữa tháng 8/2023 Chính trả tiếp cho N 20.000.000 tiền gốc.

- Đến đầu tháng 09/2023, Chính đã trả cho N số tiền 18.000.000 đồng tiền lãi các tháng còn thiếu trước đó.

Như vậy, đối với khoản vay 70.000.000 đồng, Chính đã trả số tiền gốc cho Phạm Văn N, tính đến tháng 09/2023 số tiền lãi đã trả 05 tháng (tương ứng 150 ngày) là **35.000.000 đồng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà N được hưởng (không trái luật) là 20%/năm của khoản tiền gốc vay 70.000.000 đồng, (được tính theo công thức là $20:100 \times 6.000.000:365 \times 150$) bằng số tiền **5.753.424 đồng**, đối trừ thì số tiền thu lợi bất chính là **29.246.576 đồng**.

3. Ngày 09/10/2023, Phạm Văn N cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996, trú tại: thôn S, xã Q, huyện N vay số tiền 15.000.000 đồng.

- Thỏa thuận tiền lãi là 1.500.000 đồng/tháng tương ứng mức lãi suất 3.333 đồng/1 triệu/1 ngày, số ngày vay được tính theo tháng, mỗi tháng được tính tròn là 30 ngày. N đưa tiền mặt cho Tuấn Anh, khi giao tiền N cắt luôn tiền lãi của tháng đầu tiên và chỉ đưa cho Tuấn Anh 13.500.000 đồng.

- Tính đến ngày 18/01/2024, Tuấn Anh đã trả cho N ba tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng.

- Ngày 09/01/2024, Tuấn Anh đã trả cho N 15.000.000 đồng tiền gốc thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0336871789 của Tuấn Anh đến số tài khoản ngân hàng Quân đội MB số 0965698587 của Phạm Văn N.

Như vậy, đối với khoản vay 15.000.000 đồng, Tuấn Anh đã trả số tiền gốc cho Phạm Văn N, tính đến ngày 09/01/2024 số tiền lãi đã trả 03 tháng (tương ứng 90 ngày) là **4.500.000đ**, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà N được hưởng (không trái quy định pháp luật) là 20%/năm của khoản tiền gốc vay 15.000.000 đồng, (được tính theo công thức là $20:100 \times 15.000.000:365 \times 90$) bằng số tiền **739.726 đồng**, đối trừ thì số tiền thu lợi bất chính là **3.760.274 đồng**.

Như vậy trong thời gian từ tháng 09 năm 2022 đến ngày 18/01/2024, Phạm Văn N cho 03 người vay nặng lãi nặng, tổng số tiền lãi đã trả của 03 người vay là **45.650.000 đồng**, số tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật là **7.232.875 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là **38.417.125 đồng**.

Ngày 16/01/2024, Công an huyện N nhận được đơn tố cáo của quần chúng nhân dân (đơn thư không đề tên người gửi) tố cáo Phạm Văn N, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã P, huyện N có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Ngày 18/01/2024, Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện N tiến hành làm việc với Phạm Văn N để xác minh các nội dung liên quan. Quá trình làm việc với Phạm Văn N tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, số máy MQ9W3VN/A, số seri:

L93HG6491P, số IMEI 1: 358686326520677, số IMEI 2: 358686326438854, lắp sim số thuê bao 0962829466. Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động và chụp các bản ảnh nội dung tin nhắn Zalo, Facebook và trong thư mục “Ảnh” có liên quan. Sau khi kiểm tra xong tiến hành niêm phong điện thoại nêu trên vào 01 phong bì thư theo quy định pháp luật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSNQ-HS ngày 14/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, truy tố: Phạm Văn N ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố:

+ Bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 60 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

- Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, số máy MQ9W3VN/A, số seri: L93HG6491P, số IMEI 1: 358686326520677, số IMEI 2: 358686326438854, thu giữ của Phạm Văn N, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim điện thoại; 01 vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại.

- Buộc Phạm Văn N phải trả lại cho:

1. Anh Nguyễn Văn C: 29.246.576 đồng.

2. Anh Nguyễn Tuấn A: 3.760.274 đồng.

3. Chị Kim Thị N: 5.410.275 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp lại số tiền 103.232.875 đồng để sung ngân sách Nhà nước (Gồm: 96.000.000 đồng dùng vào việc phạm tội; 7.232.875 đồng, do phạm tội mà có).

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản sự việc, biên bản kiểm tra điện thoại, bản sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 09/2022 đến 18/01/2024, Phạm Văn N đã cho Kim Thị N, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn C vay với tổng số tiền là 96.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tính mỗi tháng là 30 ngày. Mức lãi suất mà Phạm Văn N cho vay gấp từ 6,08 đến 9,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ Luật Dân sự. Tổng số tiền mà N thu lời bất chính là 38.417.125 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn N đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng

vẫn cố ý thực hiện tội phạm vì động cơ vụ lợi. Để bảo vệ trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, đưa ra xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cần thiết.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây tổn hại sức khỏe người khác và cố ý gây thương tích.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là những tình tiết giảm nhẹ hình trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, số máy MQ9W3VN/A, số seri: L93HG6491P, số IMEI 1: 358686326520677, số IMEI 2: 358686326438854, thu giữ của Phạm Văn N, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 sim điện thoại; 01 vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Văn N không còn giá trị kinh tế, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền. Do đó, buộc Phạm Văn N phải trả lại cho:

1. Anh Nguyễn Văn C: 29.246.576 đồng.

2. Anh Nguyễn Tuấn A: 3.760.274 đồng.

3. Chị Kim Thị N: 5.410.275 đồng.

- Đối với số tiền những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã trả tiền gốc đã vay cho Phạm Văn N, số tiền này N dùng vào việc phạm tội và đối với số tiền lãi mà N đã hưởng do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo phải nộp

lại số tiền: 103.232.875 đồng để sung ngân sách Nhà nước (Gồm: 96.000.000 đồng dùng vào việc phạm tội; 7.232.875 đồng, do phạm tội mà có).

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N số tiền 60 triệu đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, số máy MQ9W3VN/A, số seri: L93HG6491P, số IMEI 1: 3586863265206773 số IMEI 2: 358686326438854, thu giữ của Phạm Văn N, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim điện thoại; 01 vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại.

- Buộc Phạm Văn N phải trả lại cho:

1. Anh Nguyễn Văn C: 29.246.576 đồng.

2. Anh Nguyễn Tuấn A: 3.760.274 đồng.

3. Chị Kim Thị N: 5.410.275 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp lại số tiền 103.232.875 đồng để sung ngân sách Nhà nước (Gồm: 96.000.000 đồng dùng vào việc phạm tội; 7.232.875 đồng, do phạm tội mà có).

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và cơ quan thi hành án dân sự huyện N lập ngày 15/3/2024.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (24/4/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.NQ;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- CA H.NQ;
- CCTHADS H.NQ;
- Sở Tư pháp T.NB;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Chung